

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 20/2025/DS-ST

Ngày: 28-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Nhân.

Bà Võ Thị Diễm Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 562/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa xét xử vụ án số 15/TB-HĐXXST ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1).

Địa chỉ: số B - B, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S (*Vắng mặt có lý do*).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Trưởng phòng G, thuộc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T3 (Theo Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25-12-2023) (*Vắng mặt có lý do*).

Địa chỉ phòng giao dịch: số A, Quốc lộ E, khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Nguyễn Thanh T ủy quyền lại cho ông Huỳnh Kim T1, chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân - Phòng G, thuộc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T3, trực tiếp tham gia tố tụng (Theo Giấy ủy quyền số 10/GUQ-PGDCL ngày 11-02-2025) (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Nhựt M, sinh năm: 1988 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-8-2024, các bản tự khai ngày 16-4-2025, 28-5-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là ông Huỳnh Kim T1 trình bày:

Ngày 10-5-2022, ông Nguyễn Nhựt M có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đến ngày 10-11-2022, ông M có ký lại với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý nâng hạn mức cấp thẻ tín dụng cho ông M lên hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Cụ thể thông tin thẻ: Loại thẻ Family, số thẻ 970403-9744, lãi suất áp dụng 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Phí trễ hạn thanh toán nợ thẻ theo quy định của Ngân hàng tính theo từng tháng. Hàng năm có phát sinh khoản phí quản lý thẻ 200.000 đồng/năm. Sau khi được cấp thẻ, ông M đã thực hiện các giao dịch và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền 70.050.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền gốc lãi là 49.672.191 đồng. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên từ ngày 15-4-2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ khoản dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27-5-2025, ông M còn nợ tổng dư nợ là 79.651.543 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và nhiều lần làm việc trực tiếp với ông M yêu cầu thanh toán nợ, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện để ông M trả nợ, nhưng ông M vẫn không trả. Nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M phải trả toàn bộ nợ tính đến ngày 27-5-2025 cho Ngân hàng là 79.651.543 đồng (Gồm: Nợ gốc 55.427.931 đồng; Nợ lãi trong hạn 16.149.075 đồng; Nợ lãi quá hạn 8.074.537 đồng) và ông M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28-5-2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo triệu tập của Tòa án đối với bị đơn ông Nguyễn Nhựt M tại địa chỉ đăng ký thường trú khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nhưng ông M đều không đến Tòa trong các buổi mời làm việc. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt bảo lưu các ý kiến, yêu cầu đã trình bày. Đối với bị đơn ông Nguyễn Nhựt M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vĩ đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 274, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 26, 35, 147, 177, 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S; Buộc ông Nguyễn Nhựt M phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 27-5-2025 là 79.651.543 đồng (Gồm: Nợ gốc 55.427.931 đồng; Lãi trong hạn 16.149.075 đồng; Lãi quá hạn 8.074.537 đồng); Kể từ ngày 28-5-2025 tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay cho đến khi ông M thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, V đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng TMCP S (S1) có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Nhựt M trả nợ vay gồm gốc và lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ trong các hợp đồng vay đã ký với Ngân hàng vào các ngày 10-5-2022, 10-11-2022, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ kết quả tiếp xúc xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương khóm A, thị trấn C thì ông M có đăng ký thường trú và vẫn đang cư trú (có mặt) tại khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Ngân hàng TMCP S xác định tranh chấp khoản nợ vay là giao dịch giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Nhựt M. Ngân hàng chỉ yêu cầu ông M trả nợ mà không yêu cầu cá nhân nào

khác cùng có trách nhiệm trả nợ với ông M là phù hợp nội dung thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp quy định của pháp luật về quyền quyết định, tự định đoạt của đương sự tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên xác định Ngân hàng là nguyên đơn, ông M là bị đơn, không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Nhựt M là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng ông M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M theo luật định.

[4] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ vay và tiền lãi của hợp đồng ký vào các ngày 10-5-2022, 10-11-2022, tính đến ngày 27-5-2025 là 79.651.543 đồng (Gồm: Nợ gốc 55.427.931 đồng; Lãi trong hạn 16.149.075 đồng; Lãi quá hạn 8.074.537 đồng). Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do ông Nguyễn Nhựt M ký xác lập với Ngân hàng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; Bảng tính lãi phát sinh; Tóm tắt sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ, cũng như đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đã giao nộp, có đủ cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng S1 với ông Nguyễn Nhựt M có ký kết với nhau các hợp đồng vay vào các ngày 10-5-2022, 10-11-2022, ông M đã được cấp thẻ tín dụng, hạn mức tổng cộng là 50.000.000 đồng; Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M đã thực hiện các giao dịch (mục đích tiêu dùng cá nhân) và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền là 70.050.000 đồng, lãi suất do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại; Căn cứ bảng tính lãi suất của Ngân hàng thể hiện mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng tính đối với khoản tiền vay của ông M là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 3,9%/tháng; Các khoản nợ thanh toán được thể hiện trên thông báo giao dịch. Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản tóm tắt sao kê tài khoản chứng minh giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng theo các hợp đồng vay các ngày 10-5-2022, 10-11-2022 là: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tổng số tiền ông M thực hiện các giao dịch được Ngân hàng chấp nhận là 70.050.000 đồng, ông M đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 49.672.191 đồng (gồm nợ gốc, tiền phí và tiền lãi phát sinh). Kể từ ngày 15-4-2024, do ông M không thanh toán nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ khoản nợ gốc và yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với

thỏa thuận trong các hợp đồng vay. Ông M không đến Tòa, không có lời khai phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Ông M đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trong vụ án này. Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cũng quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Hội đồng xét xử căn cứ các hợp đồng vay vào các ngày 10-5-2022, 10-11-2022 và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ khoản nợ gốc là 55.427.931 đồng, nợ lãi trong hạn 16.149.075 đồng, nợ lãi quá hạn 8.074.537 đồng (tính đến ngày 27-5-2025), tổng cộng là 79.651.543 đồng; Kể từ ngày 28-5-2025, ông M phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong nợ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận, nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Nhựt M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định là 3.983.000 đồng (= 5% x 79.651.543 đồng).

[6] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 91, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 274, 280, 351, 357, 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1).

1. Buộc ông Nguyễn Nhựt M có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 27-5-2025 là 79.651.543đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm năm mươi một nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc là 55.427.931đ (Năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy

ngàn chín trăm ba mươi mốt đồng); Nợ lãi trong hạn là 16.149.075đ (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi chín ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng); Nợ lãi quá hạn là 8.074.537đ (Tám triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm ba mươi bảy đồng), theo hợp đồng gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do ông M ký xác lập với Ngân hàng TMCP S vào các ngày 10-5-2022, 10-11-2022 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Kể từ ngày 28-5-2025, ông Nguyễn Nhựt M phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay (Ngân hàng TMCP S) thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Nhựt M phải nộp là 3.983.000đ (Ba triệu chín trăm tám mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S 1.412.500đ (Một triệu bốn trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004836 ngày 01 tháng 11 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo

